

Bắc Từ Liêm, ngày 21 tháng 9 năm 2017

Số:10/2017/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 9 năm 2017 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 47/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2014.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Huy K, sinh năm 1954;

Địa chỉ: đường T, phường Đ, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1950;

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ NLQ1, sinh năm 1952;

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ2, sinh năm 1957;

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ3, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ4, sinh năm 1962;

Địa chỉ: đường X, Tổ dân phố L, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ5, sinh năm 1977;

Địa chỉ: đường X, tổ dân phố T, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ6, sinh năm 1990;

Địa chỉ: đường X, tổ dân phố T2, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ7, sinh năm 1983;

Địa chỉ: đường X, tổ dân phố T2, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

+ NLQ8, sinh năm 1983;

Địa chỉ: đường X, tổ dân phố T2, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ huyết thống:

Cụ Đỗ Huy C (N) và vợ là cụ Nguyễn Thị M có 05 người con gồm: Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1950; ông Đỗ Huy K, sinh năm 1954; NLQ1, sinh năm 1957; ông NLQ2, sinh năm 1960; NLQ3, sinh năm 1962.

Thời điểm mở thừa kế theo pháp luật: Cụ Đỗ Huy C (N) chết ngày 20/11/1994, không để lại di chúc. Cụ Nguyễn Thị M chết ngày 22/10/1995, không để lại di chúc.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Huy C (N) và cụ Nguyễn Thị M gồm: Ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Huy K, NLQ2, NLQ3 và NLQ4.

- Về di sản thừa kế:

2.1/. Khối tài sản là nhà, đất có diện tích 185 m² tại địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, do NLQ3 trực tiếp quản lý, sử dụng và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã được gia đình phân chia cho NLQ3. Nay không có tranh chấp và thuộc quyền quản lý, sử dụng của NLQ3.

2.2/. Khối tài sản là nhà, đất diện tích 187 m² tại địa chỉ: đường X, tổ dân phố T1, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội (Tên gọi cũ là Cửa Đình), do hộ gia đình NLQ1 và ông Đỗ Văn P trực tiếp quản lý, sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng là NLQ1 và chồng là ông Đỗ Văn P. Nay không có tranh chấp và thuộc quyền quản lý, sử dụng của NLQ1 và chồng là ông Đỗ Văn P.

2.3/. Tài sản đang tranh chấp về thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 157m² tại địa chỉ: đường X, tổ dân phố T2, phường Y, quận B, thành phố Hà Nội (Tên gọi cũ là Xóm T). Diện tích đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AE 765804 (số vào sổ: H1587) tại quyết định số: 1760/QĐ-UBND ngày 25/6/2007 của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội mang tên người sử dụng đất là ông Đỗ Văn P.

Trên đất tranh chấp có nhà và các công trình xây dựng sau:

- Một nhà 3 gian lợp tôn có diện tích là: 58,3 m². Nhà này do ông Đỗ Huy P

cùng vợ là NLQ1 và NLQ6 đang quản lý, sử dụng.

- Một nhà bê tông, cốt thép 3 tầng 1 tum trên diện tích đất là: 20,2 m². Nhà này hiện ông Đỗ Huy K và vợ chồng NLQ7, NLQ8 đang quản lý, sử dụng.

- Một nhà cấp 4, có khu phụ, mái lợp Prosement, trần nhựa có diện tích là: 16,2 m². Nhà này do bà NLQ2 đang quản lý, sử dụng.

- Phần diện tích khung thép, mái lợp tôn và công trình phụ (Mái đổ bê tông), có diện tích là: 24,7 m². Phần diện tích này do gia đình ông Đỗ Văn P quản lý, sử dụng.

- Diện tích đất còn lại là sân lát gạch đỏ có diện tích là: 38,5 m². Diện tích sân hiện do gia đình ông Đỗ Văn P, ông Đỗ Huy K, bà NLQ2 và gia đình NLQ7 cùng quản lý, sử dụng.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận với nhau về giá trị quyền sử dụng đất là: 15.000.000 đồng/m² x 157 m² = 2.355.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu đồng).

*** Các đương sự thống nhất thỏa thuận phân chia như sau:**

- + Chia cho NLQ2 phần diện tích nhà, đất hiện bà đang quản lý, sử dụng có diện tích = 16,2 m².

Chia cho ông Đỗ Huy K phần đất có diện tích là: 20,2 m². Trên diện tích đất này là ngôi nhà 3 tầng, 1 tum hiện nay gia đình NLQ7, NLQ8 đang quản lý, sử dụng.

Chia cho ông Đỗ Huy K và NLQ2 phần diện tích đất là 8,6 m² làm sân sử dụng chung của ông K và NLQ2.

Ông Đỗ Huy K và NLQ2 thống nhất thỏa thuận gộp diện tích đất được phân chia nêu trên thành diện tích đất chung mang tên ông Đỗ Huy K và NLQ2. Tổng diện tích đất của ông K và NLQ2 là: 45,0 m².

(Có sơ đồ kèm theo).

- + Xác định diện tích đất làm lối đi chung có chiều rộng 1,2 m kéo dài từ cổng đến phần diện tích đất chia cho ông K và NLQ2.

- + Phần diện tích nhà, đất còn lại thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đỗ Văn P.

(Có sơ đồ kèm theo).

* Về án phí: Ông Đỗ Huy K và ông Đỗ Văn P tự nguyện chịu toàn bộ án phí là: 39.355.000 đồng, theo quy định tại Pháp lệnh số:10/2009/UBTVQH12 ngày

27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Trong đó ông Đỗ Văn P tự nguyện chịu 10.000.000 đồng án phí. Phần án phí còn lại là: 29.355.000 đồng ông Đỗ Huy K tự nguyện chịu. Ông Đỗ Huy K được trừ đi số tiền 25.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02835 ngày 05/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ông K còn phải nộp tiếp 4.355.000 đồng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thế Vinh